

Số: /BC-UBND

Bình Dương, ngày 02 tháng 5 năm 2018

**BÁO CÁO  
ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI DỰA VÀO CỘNG ĐỒNG**  
Xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi

*Báo cáo này là kết quả tiến trình đánh giá rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu do cộng đồng thực hiện, chú trọng đến nhóm dễ bị tổn thương là người nghèo trong khu vực rủi ro cao, phụ nữ, người cao tuổi và người khuyết tật nhiều lĩnh vực đời sống và xã hội. Các phân tích rủi ro trong báo cáo và các ưu tiên kiến nghị của nhóm dễ bị tổn thương là những cơ sở quan trọng cho các kế hoạch địa phương như kế hoạch phòng chống thiên tai, kế hoạch phát triển kinh tế xã hội và là đầu vào cho dự án GCF.*

**I- GIỚI THIỆU CHUNG**

**1. Đặc điểm tự nhiên**

a. Vị trí địa lý, ranh giới hành chính

- Vị trí địa lý: Xã Bình Dương nằm về phía Bắc của huyện Bình Sơn, cách trung tâm huyện khoảng 3 km, được giới hạn bởi tọa độ địa lý từ 15<sup>0</sup>19'10" đến 15<sup>0</sup>21'15" vĩ Bắc, 108<sup>0</sup>45'00" đến 108<sup>0</sup>47'05" kinh độ Đông, có giới cận:

+ Phía Đông giáp: xã Bình Phước và Bình Đông, huyện Bình Sơn.

+ Phía Tây giáp: xã Bình Nguyên và Bình Trung, huyện Bình Sơn.

+ Phía Nam giáp: xã Bình Thới, huyện Bình Sơn.

+ Phía Bắc giáp: xã Bình Chánh và Bình Đông, huyện Bình Sơn.

- Tổng diện tích tự nhiên toàn xã là 886,41ha, chiếm 1,90% diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Địa hình: Xã Bình Dương là xã đồng bằng có sông Trà Bồng, sông Cáp Da và sông Thái Tân, được tạo bởi phù sa sông nên rất thuận lợi trong việc sản xuất nông nghiệp, nhất là sản xuất lúa nước, rau màu. Tuy nhiên, có số một diện tích đất tương đối lớn nằm ở vùng đất thấp trũng thường xuyên ngập nước vào mùa mưa.

b. Đặc điểm khí hậu nổi bật

Nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, có nền nhiệt cao, mưa tương đối nhiều, bức xạ lớn, đặc điểm khí hậu của xã được thể hiện rõ theo hai mùa; mùa khô từ tháng 2 đến tháng 7, mùa mưa từ tháng 8 đến tháng 01 năm sau.

TT	Điều kiện khí hậu (Chỉ số khí tượng thủy văn)	Đặc điểm		<u>Dự báo BĐKH của Tỉnh năm 2050 theo kịch bản RCP 8.5 (Theo báo cáo của Bộ TNMT 2016)</u> <sup>1</sup>
		Đơn vị	Tháng xảy ra	

<sup>1</sup> [http://www.imh.ac.vn/files/doc/KichbanBDKH/KBBDKH\\_2016.pdf](http://www.imh.ac.vn/files/doc/KichbanBDKH/KBBDKH_2016.pdf)

1	Nhiệt độ Trung bình	25,7°C.		<b><u>Tăng 1.9°C</u></b> <i>(giá trị dao động khoảng 1.3-2.6°C)</i> <i>(trang 49, <u>kích bản BDKH</u>)</i>
2	Nhiệt độ cao nhất	40,5	Tháng 6,7,8	<b><u>Tăng thêm khoảng 1.6-2.4oC</u></b> <i>(Hình 5.5, trang 51 – kích bản BDKH)</i>
3	Nhiệt độ thấp nhất	16	Tháng 11, tháng 1	<b><u>Tăng thêm khoảng 1.6-1.8oC</u></b> <i>(Hình 5.7a, trang 51 – kích bản BDKH)</i>
4	Lượng mưa Trung bình	1,900mm	Mùa mưa từ tháng 9 đến tháng 1 năm sau. Tập trung chủ yếu tháng 9,10,11,12; Lượng mưa phân bố không đều giữa các vùng	<b><u>Tăng thêm khoảng 25.1 mm</u></b> <i>(dao động trong khoảng 17.0-33.5mm)</i> <i>(Bảng 5.2a, trang 55)</i>
5	Lượng mưa Cực trị - cao nhất (mm)	300mm		<b><u>Tăng thêm khoảng 40-50mm/đợt</u></b> <i>(Hình 5.14a, trang 59)</i>
	<b>Diễn biến</b>			
7	Xu hướng hạn	Gia tăng hơn những năm trước đây. Thời gian nắng nóng kéo dài	Thời gian từ tháng 5 đến tháng 7 hàng năm	
8	Xu hướng bão	Xuất hiện ít hơn so với những năm trước đây, nhưng bão mạnh hơn, phức tạp hơn thời gian xuất hiện dài hơn, mạnh hơn.	Thời gian từ tháng 8-11 hàng năm	
9	Xu hướng lũ	Xuất hiện muộn hơn so với những năm trước, mưa to kéo dài, nước dâng nhanh, thời gian rút chậm hơn	Thời gian từ tháng 8 đến tháng 12 Tập trung nhiều nhất tháng 9,10,11.	

10	Số ngày rét đậm	Dài ngày hơn so với trước đây 5-15 ngày	Thời gian xuất hiện từ tháng 11 đến tháng 1 năm sau	
11	Mức nước biển tại các trạm hải văn	Dâng lên cao từ 3 - 3,5m		<b><u>Tăng khoảng 25cm</u></b>  (dao động trong khoảng 17-35cm tại các trạm từ đèo hải văn đến mũi đại lãnh)  (Bảng 6.7, trang 69 – RCP8.5)
12	Nguy cơ ngập lụt/nước dâng do bão	- Nguy cơ ngập do lũ, lụt cao; - Nguy cơ ngập nước do nước biển dâng trung bình	Từ tháng 9 đến tháng 12.	<b><u>Khoảng 0.86% diện tích – tương đương khoảng 514,080ha</u></b>  (Bảng 6.10, kích bản nước dâng 100cm vào cuối thế kỷ trang 77)

c. Bảng thống kê diện tích đất

TT	Loại đất	Diện tích (ha)	Loại hình sản xuất
I	Tổng diện tích đất tự nhiên	886,41ha	
1	Nhóm đất nông nghiệp	582.88 ha	Gồm có: đất sản xuất nông nghiệp: 477,04 ha; đất lâm nghiệp: 49,11 ha; đất nuôi trồng thủy sản: 56,73ha
2	Đất phi nông nghiệp	282,13 ha.	Gồm có: đất ở: 53,67ha; đất chuyên dùng: 61,3ha; đất tôn giáo tín ngưỡng 0,78ha; đất nghĩa trang, nghĩa địa 13,75ha; đất sông suối và mặt nước chuyên dùng 148,96ha; đất phi nông nghiệp khác 0,07ha.

3	Đất chưa sử dụng	21.40 ha	

### **Diện tích đất sản xuất bình quân nhân khẩu 600m<sup>2</sup>/nhân khẩu**

d. Tài nguyên rừng: Diện tích rừng ngập mặn 49,11ha; chiếm 5,6% diện tích tự nhiên toàn xã.

e. Tài nguyên nước:

- Nước mặt: nguồn nước mặt trên địa bàn xã Bình Dương được cung cấp chủ yếu bởi 24,03 ha đất thủy lợi cùng với 148,96ha đất sông, suối và mặt nước chuyên dùng.

- Nước ngầm: là nguồn tài nguyên quan trọng để bổ sung cho nguồn nước mặt; phần lớn nhân dân trong xã đang sử dụng nguồn nước mạch, độ sâu từ 5 - 10 mét phục vụ sinh hoạt.

### **2. Tình hình kinh tế - xã hội**

Bình Dương là một xã nằm dọc theo sông Trà Bồng, ngành nghề chính là sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp, thu nhập bình quân đầu người ở mức trung bình của huyện. Hàng năm xã xây dựng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, phát huy mọi nguồn lực, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tập trung phát triển mạnh thương mại, dịch vụ, sản xuất chất lượng cao, tiếp tục thực hiện các chương trình, phát triển cơ sở hạ tầng, chú trọng các hệ thống kênh mương phục vụ nông nghiệp, đề kè chống xói lở. Tạo chuyển biến trong các lĩnh vực văn hóa, xã hội, y tế, giáo dục, đẩy nhanh công tác xóa đói giảm nghèo, tăng thu nhập cho người dân. Chú trọng chất lượng công tác khám chữa bệnh cho nhân dân, chăm sóc các gia đình chính sách, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân.

### **Bảng thống kê Dân số:**

TT	Thôn	Số hộ			Số khẩu		
		Tổng	Nghèo	Cận nghèo	Tổng	Nam	Nữ
1	Thôn Mỹ Huệ I	593	31	62	3776	1870	1906
2	Thôn Mỹ Huệ II	393	17	21	2461	1155	1306
3	Thôn Mỹ Huệ III	325	17	26	2073	1004	1069
4	Thôn Đông Yên I	645	27	45	4367	2085	2282
5	Thôn Đông Yên II	224	11	16	1534	750	784

6	Thôn Đông Yên III	266	12	18	1769	870	899
	<b>Tổng</b>	<b>2446</b>	<b>115</b>	<b>188</b>	<b>15980</b>	<b>7734</b>	<b>8246</b>

**Nhóm dễ bị tổn thương:**

TT	Thôn	Đối tượng dễ bị tổn thương				
		Trẻ em dưới 16	Phụ nữ sinh đẻ *	Người cao tuổi	Người khuyết tật	Người bị bệnh hiểm nghèo
1	Thôn Mỹ Huệ I	3020	23	36	11	5
2	Thôn Mỹ Huệ II	180	16	28	3	2
3	Thôn Mỹ Huệ III	250	21	20	6	4
4	Thôn Đông Yên I	280	15	85	27	5
5	Thôn Đông Yên II	120	20	27	3	3
6	Thôn Đông Yên III	80	18	26	7	6
	<b>Tổng cộng:</b>	<b>1362</b>	<b>198</b>	<b>222</b>	<b>57</b>	<b>25</b>

## II-KẾT QUẢ ĐÁNH GIÁ RỦI RO THIÊN TAI/BĐKH

### A-THÔNG TIN CƠ BẢN

#### 1. Các hoạt động sản xuất kinh doanh:

TT	Hoạt động sản xuất, kinh doanh	Diện tích (ha)	Quy mô (% tổng diện tích)	% hộ tham gia (Số hộ tham gia/tổng số hộ)	Thu nhập trung bình (người/năm)	Phân chia tỉ lệ tham gia theo giới tính (%)
----	--------------------------------	----------------	---------------------------	---	---------------------------------	---

1	Sản xuất nông nghiệp - Lúa - Rau màu	309 181 128	38,58 24,14 14,44		35triệu	70 ( Nữ) 70 ( Nữ)
2	- Đất lâm nghiệp	49.11	5,54		35triệu	70 ( nam)
3	Đất nuôi trồng thủy sản	4.3	0,485		35triệu	90 ( nam)
4	Đất phi nông nghiệp	524	59,11		35triệu	50 (nam)
5	Buôn bán nhỏ và tiêu thương	307			35triệu	80 ( nữ)
6	Thợ xây	51			35triệu	90 ( nam)
7	Nghề khác	200			35triệu	50 ( nam)

Qua đánh giá, quyền được tiếp cận, tham gia của người dân (Nam – Nữ) vào các hoạt động kinh tế - xã hội là như nhau.

Tùy vào đặc điểm, tính chất đặc thù của từng hoạt động, công việc mà có sự phân công một cách phù hợp. Trong các nhóm ngành nghề nêu trên, thì phụ nữ đều tham gia đầy đủ các lĩnh vực; tuy nhiên trong lĩnh vực ngành nghề sản xuất nông nghiệp, hoạt động buôn bán nhỏ và tiêu thương phụ nữ đóng vai trò chủ đạo (70%). Nam giới đóng vai trò chính trong nghề nuôi trồng thủy sản và đánh bắt gần bờ và những ngành nghề khác.

Các sản phẩm làm ra từ sản xuất nông nghiệp một phần người dân để sử dụng tái sản xuất sức lao động và một phần để trao đổi mua bán. Riêng đối với các hàng hóa, sản phẩm từ ngành nghề đánh bắt nuôi trồng thủy sản, các hoạt động lâm, ngư nghiệp, kinh doanh khác... chủ yếu bán ra thị trường bên ngoài.

Thời gian qua, do tác động của biến đổi khí hậu, thiên tai diễn biến khó lường, mức độ tác động khắc nghiệt hơn...từ đó ảnh hưởng rất lớn đến ngành nghề, việc làm, thu nhập của người dân trên địa bàn xã.

## 2. Hạ tầng cơ sở:

TT	Cơ sở hạ tầng	Năm xây dựng/sử dụng	Số lượng/Chất lượng	Ghi chú (ghi rõ chi tiết tình hình hiện trạng như thế nào)
1	Điện dân dụng:	1999	Tốt	Xã Bình Dương đang sử dụng nguồn điện lưới quốc gia
2	Đường giao thông	2001	Tốt	Nhựa hóa; đường bê tông

3	Trường học các cấp - Cấp I - Cấp II	2001 2000	Trung bình	(Cấp I: 12 lớp, 482 học sinh, 22 phòng học; Cấp II: 12 lớp, 409 học sinh; 18 phòng học)
4	Nhà trẻ, Mẫu giáo	2016	Trung bình	đạt chuẩn (7 lớp, 202 học sinh; 7 phòng học)
5	Trạm Y tế	2008	Tốt	Đạt chuẩn.
6	Công sở - Trụ sở UBND xã - Cơ quan thôn	2006 2014	Tốt	Kiên cố Nhà hai tầng Nhà cấp bốn
7	Chợ	2013	Tốt	

**\* Nhận xét:**

Hệ thống đường giao thông trục xã, liên xã; đường trục thôn, xóm; đường ngõ, xóm và đường trục chính nội đồng: 10.4km; trong đó:

- Đường giao thông trục xã, liên xã được cứng hoá và nhựa hoá 5,6km, rộng từ 5 - 7 mét.

- Đường giao thông thôn, xóm được cứng hoá 5.04km, rộng từ 3,5 - 6 mét. Đường ngõ xóm sạch, không lầy lội vào mùa mưa: 16,64 km, rộng 2,5 - 3,5 mét. Đường trục chính nội đồng được cứng hoá, xe cơ giới có thể đi lại thuận tiện: 13,33km; rộng 1,5 - 3 mét.

Hệ thống kênh mương cơ bản đáp ứng yêu cầu sản xuất, hệ thống kênh mương do hợp tác xã quản lý đảm bảo tưới tiêu nhưng còn một số tiến chưa được kiên cố hóa.

Toàn xã có: 26 tuyến kênh mương cấp III phục vụ sản xuất. Tổng chiều dài 54.4 km, trong đó có 30% chưa được kiên cố hóa.

Xã Bình Dương đang sử dụng nguồn điện từ lưới điện quốc gia; có khoảng 12 km (5 trung áp; 7 hạ thế) đường dây trên địa bàn xã. Tỷ lệ sử dụng điện trên toàn xã đạt 100%; tuy nhiên điện kéo đến một số nhỏ hộ tiêu thụ còn chưa được an toàn (trụ và dây dẫn).

Trên địa bàn xã số lượng nhà không kiên cố còn nhiều, đặc biệt đối với những hộ neo đơn, phụ nữ độc thân 77 hộ, vì thế đối tượng phụ nữ dễ bị tổn thương nhiều hơn so với nam giới.

Toàn xã có 01 điểm trường mầm non nằm tại thôn Mỹ Huệ III có 1 tầng nhưng thiếu phòng học..

Xã có 1 cơ sở trường tiểu học tại thôn Mỹ Huệ III có nhà tầng. Có 01 trường THCS nằm ở thôn Mỹ Huệ II có nhà tầng, nhưng vẫn còn thiếu phòng học.

Xã có 01 Trạm y tế nằm trên địa bàn thôn Mỹ Huệ III, Trạm y tế có 01 bác sĩ, 02 dược sĩ, 02 nữ hộ sinh, 01 điều dưỡng và 01 dược trung. Hàng năm, trạm đã thực hiện tốt công tác chăm sóc sức khỏe người dân.

Nhìn chung cơ sở hạ tầng đáp ứng phục vụ nhu cầu cơ bản của người dân nói chung; tất cả các nhóm đối tượng đều được tiếp cận, hưởng lợi; Tuy nhiên đối với nhóm đối tượng là người khuyết tật, người già thì có một số đối tượng chưa được quan tâm đúng mức; các công trình xây dựng chưa quan tâm đến việc sử dụng riêng cho nhóm đối tượng dễ bị tổn thương khi thiên tai xảy ra, ví dụ: Nhà vệ sinh, vấn đề nước sạch, môi trường sinh hoạt còn gặp khó khăn nhất định...

### 3. Nhà ở

TT	Tên thôn	Số hộ	Nhà kiên cố	Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà tạm bợ
1	Thôn Mỹ Huệ I	593	90	464	36	
2	Thôn Mỹ Huệ II	393	60	320	13	
3	Thôn Mỹ Huệ III	325	55	245	25	
4	Thôn Đông Yên I	645	80	543	22	
5	Thôn Đông Yên II	224	40	171	13	
6	Thôn Đông Yên III	266	25	167	32	
	<b>Tổng</b>	2.446	<b>350</b>	<b>1910</b>	<b>141</b>	

Qua bảng thống kê nhà ở, thì tình trạng nhà thiếu kiên cố ở xã Bình Dương còn và nằm đều ở các thôn

### Hiện trạng Nhà dân sinh và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH:

Loại Nhà	Tổng số hộ	% nhà thuộc vùng <b>rủi ro cao</b> với thiên tai, BĐKH (*)	% nhà thuộc vùng <b>rủi ro trung bình</b> với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
Nhà đơn sơ			
Nhà thiếu kiên cố	141	90	51
Nhà bán kiên cố	1910	910	1000
Nhà kiên cố	350	50	300
Công trình dân sinh khác (nhà cộng đồng, v.v.)		- 06 Nhà văn hóa; 03 điểm trường;	



**\*Nhận xét:**

Đặt thù là xã nằm dọc sông Trà Bồng, nên thường xuyên tác động của Bão- Lũ, do vậy tình trạng dễ bị tổn thương về nhà ở rất cao (Như nhà sập, tốc mái, nhà ngập sâu, lâu ngày...). Các công trình phúc lợi phục vụ dân sinh dễ bị tác động do Bão lũ gây ra.

**4. Nước sạch, vệ sinh và môi trường**

Tên thôn	Số hộ	Nguồn nước sạch				Nhà vệ sinh		
		Giếng đào	Bể chứa	Trạm cấp nước công cộng/nước máy/Tự chảy	Không có dụng cụ chứa	Tự hoại	Tam	Không có
Thôn Mỹ Huệ I	593	44	250	360		593		
Thôn Mỹ Huệ II	393	32	295	282		393		
Thôn Mỹ Huệ III	325	24	260	203		325		
Thôn Đông Yên I	645	26	485	452		645		
Thôn Đông Yên II	224	38	213	233		224		
Thôn Đông Yên III	266	266	195	0		266		

Là địa bàn bị bao bọc nhiều nhánh sông và nằm trong vùng trũng thấp, thường xuyên bị ngập sâu khi thiên tai xảy ra. Do vậy vấn đề nước sinh hoạt, vệ sinh môi trường là một trong những vấn đề được người dân quan tâm. Hiện nay nguồn nước sinh hoạt của người dân đang bị ô nhiễm, làm ảnh hưởng đến sức khỏe đời sống người dân trên địa bàn, mặc dù chính quyền đã có những giải pháp để khắc phục nhưng chưa đáp ứng nhu cầu hiện tại.

**5. Y tế (dịch bệnh liên quan đến thiên tai/BĐKH)**

Loại dịch bệnh liên quan đến người	Đối tượng (ghi rõ số người và năm)					
	Trẻ em	Phụ nữ	Nam	Người cao tuổi	NKT	Người bị bệnh hiểm nghèo
Sốt rét	0	0	0	0	0	0
Bệnh ngoài da	250	0	0	300	10	0
Viêm đường hô hấp	147 năm 2017	0	0	168 năm 2017	26 năm 2017	0
Tay chân miệng	0	0	0	0	0	0

## 6. Hiện trạng rừng ngập mặn và mức độ rủi ro với thiên tai và BĐKH

Loại rừng	Tổng diện tích (ha)	Diện tích rừng thuộc vùng <b>rủi ro cao</b> với thiên tai, BĐKH (*)	Diện tích rừng thuộc vùng <b>rủi ro trung bình</b> với thiên tai, BĐKH (*)
1	2	3	4
Rừng ngập mặn	49,11ha	49,11 ha	00ha

### Chất lượng và hiện trạng quản lý sử dụng rừng tại cộng đồng

Loại rừng	Tổng Diện tích rừng thuộc vùng <b>rủi ro cao &amp; trung bình</b> với thiên tai, BĐKH (*)	Liệt kê tên các loại cây được trồng bản địa hoặc loại cây do cộng đồng đề xuất mới (nếu cần thiết)	Liệt kê 3 mô hình sinh kế trong rừng ngập mặn do cộng đồng đề xuất triển khai tại xã (ưu tiên các mô hình đã thí điểm thành công)
1	2	3	4
Rừng ngập mặn	49,11 ha ,	Dừa nước	Nuôi tôm

### \*Nhận xét:

Theo kết quả thống kê hiện trạng đất đai gần đây (*Tính đến ngày 01/01/2016*) Tài nguyên rừng ngập mặn của xã Bình Dương 49,11 ha, chiếm **5,54%** diện tích đất tự nhiên của xã.

Diện tích rừng ngập mặn chủ yếu là trồng cây dừa nước xen canh nuôi tôm, hiệu quả đem lại nguồn thu nhập cho người dân không cao. Hiện nay UBND xã giao cho Hợp tác xã nông nghiệp quản lý; xu hướng diện tích rừng ngày càng thu hẹp do người dân lấn chiếm làm hồ nuôi tôm, tương lai có nguy cơ không tồn tại rừng ngập mặn nếu không có biện pháp quản lý khai thác sử dụng phù hợp. Đây là một trong những yếu tố làm mất cân bằng hệ sinh thái, ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường sức khỏe của cộng đồng dân cư và làm gia tăng biến đổi khí hậu theo hướng cực đoan.

## 7. Công tác phòng, chống thiên tai:

Do đặc thù của xã là xã nằm dọc theo dòng sông Trà Bồng, đa số các khu dân cư ở vùng trũng thấp, có nhiều vùng sạt lở hiện vẫn chưa được đầu tư kè chống xói lở nhất là khu vực thôn Mỹ Huệ III; thôn Đông Yên III và xóm 1A thôn Mỹ Huệ I; diện tích lúa và hoa màu cũng nằm trong vùng trũng và bờ sông dễ bị ngập úng, sạt lở, bồi lấp (thôn Đông Yên III; thôn Đông Yên II; thôn Mỹ Huệ I). Vì vậy công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn là một trong những nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Hàng năm Đảng ủy, HĐND, UBND, UBMTTQVN xã Bình Dương đều xây dựng Nghị quyết, Kế hoạch và Phương án phòng chống thiên tai với phương châm 4 tại chỗ nhằm để chủ động ứng phó giảm thiệt hại về người và tài sản do thiên tai gây ra.

Thường xuyên tổ chức tuyên truyền công tác phòng chống thiên tai thông qua hệ thống truyền thông và lồng ghép vào các cuộc họp sinh hoạt dân khu dân cư.

Định kỳ củng cố và kiện toàn BCH PCTT xã, có 20 thành viên được phân công nhiệm vụ cụ thể. Huy động các thanh viên trong đội TNKK, đội cứu hộ cứu nạn, tham gia lớp tập huấn kỹ năng PCTT.

Tuy nhiên năng lực PCTT của xã vẫn còn một số tồn tại hạn chế: Hầu hết cán bộ làm công tác PCTT ở địa phương chưa được trang bị đầy đủ kỹ năng. Một số thành viên trong đội PCTT chưa được tập huấn thường xuyên và lo mưu sinh (làm ăn xa) nên chưa chú trọng nhiều đến công tác PCTT.

**\*Vấn đề về giới trong PCTT:** Qua khảo sát, đánh giá cho thấy phụ nữ ít có cơ hội tham gia các hoạt động như tập huấn kiến thức phòng chống thiên tai; Nam giới thường quan tâm đến thông tin dự báo thời tiết, diễn biến thiên tai nhiều hơn nữ giới... vì vậy kiến thức và kỹ năng phòng tránh thiên tai của phụ nữ còn hạn chế. Tỷ lệ nữ tham gia vào Ban chỉ huy PCTT-TKCN xã, các thôn còn ít.

## **8. Cơ sở vật chất và trang thiết bị PCTT**

Trang thiết bị PCTT của xã gồm có: ghe: 2 cái, nhưng đã xuống cấp, áo phao: 50 cái, phao tròn: 20 cái, Loa cầm tay: 2 cái; 01 máy phát điện.

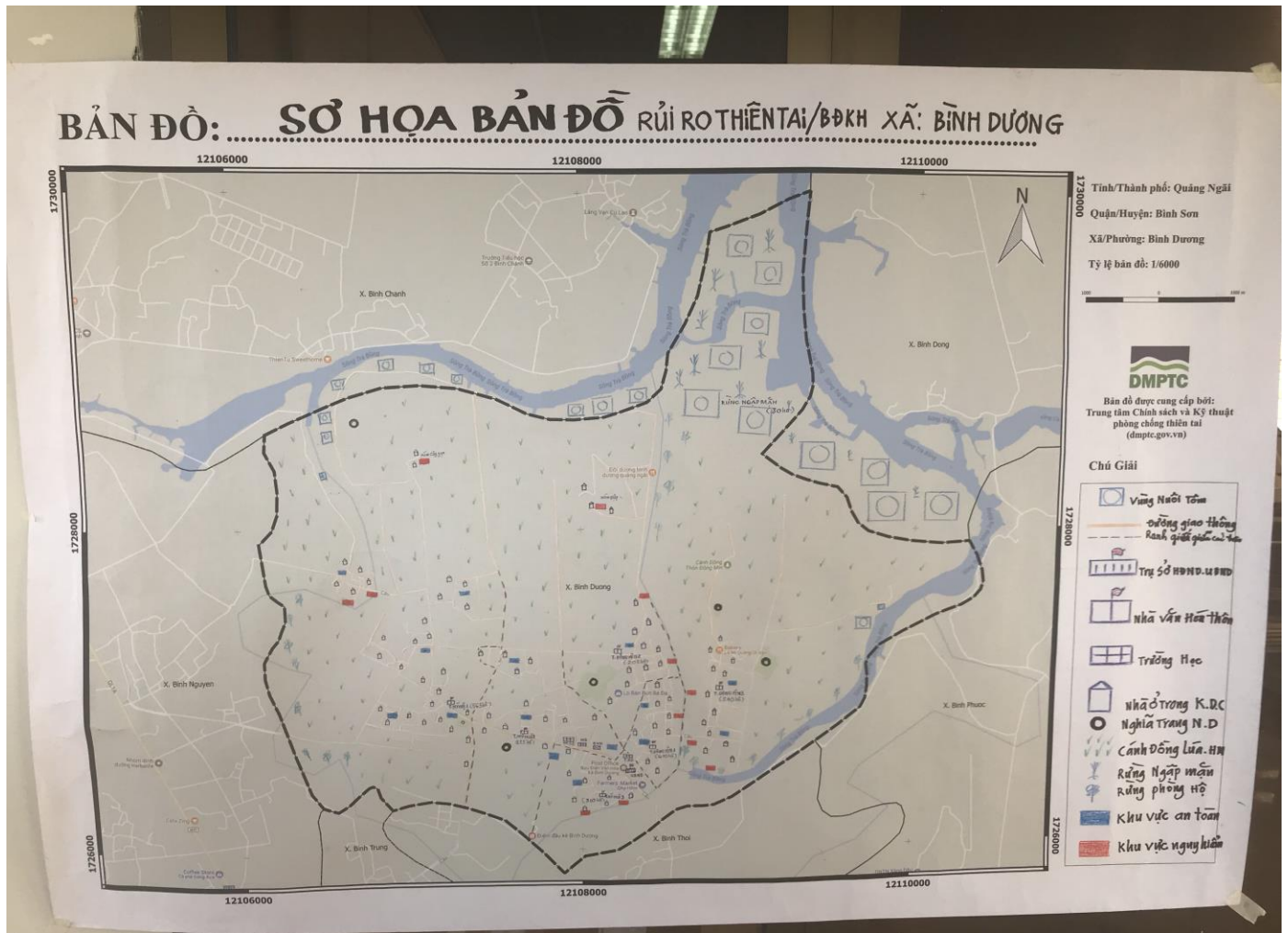
Phần lớn phương tiện, trang thiết bị PCTT của xã đơn sơ, cũ kỹ, hư hỏng, thời gian sử dụng lâu. Không còn đáp ứng nhu cầu phục vụ cho công tác PCTT khi xảy ra thiên tai hỏa hoạn lớn trên địa bàn.

Cơ sở hạ tầng, các công trình dân dụng, phúc lợi như Nhà văn hóa thôn, trụ sở UBND xã, Trạm Y tế, Trường học ...đều vận dụng làm điểm sơ tán dân tạm thời khi thiên tai bão lũ xảy ra.

## **B. THÔNG TIN ĐÁNH GIÁ VỀ THIÊN TAI/BĐKH, TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TÔN THƯƠNG, NĂNG LỰC PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI VÀ NHẬN THỨC VỀ RRTT CỦA NGƯỜI DÂN**

### **1. Thông tin đánh giá về thiên tai ở địa phương**

## **SƠ HỌA BẢN ĐỒ THIÊN TAI XÃ BÌNH DƯƠNG HUYỆN BÌNH SƠN**



**Qua sơ họa bản đồ thiên tai người dân và chính quyền địa phương đã xác định được những khu vực có nguy cơ cao và khu vực an toàn để có phương án ứng phó với thiên tai một kịp thời hiệu quả khi thiên tai xảy ra trên địa bàn**

**Nhận xét chung:** Phần lớn diện tích xã Bình Dương nằm vùng trũng thấp, bị tác động bao quanh bởi các sông Trà Bồng, sông Cáp Da và sông Thái Cầm; hằng năm chịu tác động bởi các loại hình thiên tai, như: Bão, Lũ lụt, Sạt lở đất..., mỗi năm chịu tác động từ 5 đến 10 trận bão, lũ lụt và mưa lớn trái mùa, do vậy nên nguy cơ bị thiệt hại do thiên tai gây ra rất lớn.

**Lũ, lụt:** Thường xảy ra nhiều từ tháng 9 đến 11, những năm gần đây lũ, lụt xuất hiện nhiều hơn, nước lên rất nhanh nhưng nước xuống lại chậm, thường xuất hiện bất ngờ, vùng ngập sâu nhất có nơi lên trên 3m, như trận lũ lụt năm 1999, 2009, 2017. Đặc biệt, trong những năm gần đây thường xảy ra các trận mưa lớn trái mùa (người dân gọi lụt tiểu mãn) gây ảnh hưởng lớn đến sản xuất nông nghiệp.

**Bão, ATNĐ:** Thường xảy ra từ tháng 9 đến tháng 11, mạnh cấp 9,10,11,12 làm ảnh hưởng trên diện rộng toàn xã. Nhận định, xu hướng trong thời gian tới, do tác động biến đổi khí hậu có thể xảy ra những trận bão mạnh hơn (mạnh cấp 15,16).

Sạt lở đất: với địa hình chịu tác động bởi các sông, nên thường xảy ra các trận sạt lở đất ven sông vào tháng 9,10 hàng năm, làm sa bồi mất đất sản xuất và ảnh hưởng đến đời sống người dân.

Qua sơ họa bản đồ đã xác định các khu vực có nguy cơ ngập sâu và bị chia cắt lâu ngày là tại các cụm dân cư Xóm 1A thôn Mỹ Huệ I và thôn Mỹ Huệ III; Đông Yên III. Tình trạng nhà thiếu kiến cố ở vùng trũng, thấp, vùng có nguy cơ cao nhiều. Với hơn 60% người dân sống chủ yếu là sản xuất nông nghiệp là chính, các loại nông sản chủ yếu gồm: Lúa, bí, đậu, rau ớt các loại và 6.8 % người dân sinh sống bằng nghề khai thác hải sản.

Người dân chưa có phương tiện cứu hộ cứu nạn; người dân tránh lũ, bão chủ yếu là di chuyển từ nhà này sang nhà khác cao hơn. Nhiều hộ gia đình neo đơn, bệnh tật, sức khỏe yếu thiếu người hỗ trợ khi thiên tai xảy ra, đặc biệt là di dời đồ đạc, lương thực, chèn chống nhà cửa.

Một số bộ phận người dân còn chủ quan, xem nhẹ diễn biến lụt bão nên khi lụt bão diễn biến nhanh dễ gây thiệt hại về tính mạng và tài sản. Một số ít người dân chưa chấp hành nghiêm túc lệnh di dời, sơ tán từ chính quyền. Nhiều người dân vẫn còn trông chờ, ỷ lại vào chính quyền trong PCTT...

Trong những năm gần đây, do tác động của biến đổi khí hậu, tình hình thiên tai diễn biến ngày càng phức tạp, khó lường đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống của nhân dân trên địa bàn.

### \* Vấn đề giới

Là địa bàn chủ yếu sản xuất nông nghiệp nên phần lớn thanh niên, nam giới có sức khỏe thì hầu hết đi làm ăn xa, đi đánh bắt thủy sản, đi làm công nhân...để tăng thu nhập cho gia đình. Vì thế lực lượng còn lại tại địa phương để tham gia sản xuất, buôn bán để mưu sinh... thì phụ nữ chiếm tỷ lệ cao.

Nhận thức, kỹ năng của người dân về rủi ro thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu còn hạn chế. Trong đó phần lớn số hộ gia đình chị em phụ nữ chưa thường xuyên quan tâm đến dự báo thời tiết, cảnh báo thiên tai và những kiến thức về phòng tránh thiên tai trên các phương tiện thông tin đại chúng. Nhìn chung, tình trạng dễ bị tổn thương cũng như năng lực PCTT của phụ nữ là yếu thế hơn so với nam giới.

### Lịch sử thiên tai:

Thời gian xảy ra (1)	Loại hình thiên tai (2)	Đặc điểm và xu hướng của thiên tai (3)	Khu vực (địa điểm) bị thiệt hại (4)	Những thiệt hại, mức độ thiệt hại (an toàn cộng đồng, SXKD, VSMT) (5)	Nguyên nhân bị thiệt hại (VC, TCXH, thái độ động cơ) (6)	Đã làm gì để PCTT (hộ gia đình, các tổ chức,...) (7)
-------------------------	----------------------------	---	--	--	---	---

9/2009	Bão	Cường độ mạnh, bất ngờ, khó lường	Toàn xã	<p><b>*ATCD:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 11 người bị thương</li> <li><b>Nhà:</b> Sập, hư hỏng mái 75 nhà tại 6 thôn</li> <li>Nhà bị ngập nước: 100%.</li> <li>Bão cấp 10 – 11, giật trên cấp 12, 13.</li> <li>Nước dâng lên cao 1-3m</li> <li>+ Hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng hoàn toàn, thông tin liên lạc bị tê liệt.</li> <li>+ <b>Giao thông:</b></li> <li>- Cây cối ngã đổ làm ách tắc giao thông, 100% đường giao thông ngập nước dâng lên 1-3m, chia cắt hoàn toàn các trục đường giao thông chính, đường giao thông liên thôn bị ngập và chia cắt.</li> <li>- Tài sản các hộ trong gia đình bị hư hỏng nặng chiếm khoảng 70% (lương thực, các thiết bị điện tử, các vật dụng trong gia đình) ước tính khoảng 12,5 tỷ đồng.</li> <li><b>*SXKD:</b></li> <li>+ Hoa màu: hơn 60 ha ớt, 70 ha rau đậu bị ngã đổ và</li> </ul>	<p><b>*VC:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thiếu kiên cố.</li> <li>- Hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng và tê liệt hoàn toàn; 100% hộ dân không nắm bắt được thông tin diễn biến bão.</li> <li>- Thiếu phương tiện chèn chống nhà cửa, xuống cứu hộ, áo phao...</li> </ul> <p><b>*TCXH:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Lực lượng chịu trách nhiệm về sơ tán di dời chưa quan tâm đúng mức.</li> <li>- Do thiếu vốn</li> <li>- Do địa lý, cuối dòng sông trà Bông.</li> <li>+ Các lực lượng PCTT chưa có biện pháp quyết liệt khi thực hiện nhiệm vụ.</li> <li>- Địa bàn các khu dân cư bị chia cắt; giao thông chia cắt.</li> <li>- Mất điện, các phương tiện liên lạc không sử dụng được.</li> </ul> <p><b>Vấn đề giới:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ảnh hưởng trực tiếp đến</li> </ul>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Triển khai KHPCTT;</li> <li>- Địa phương tuyên truyền diễn biến của thời tiết cho người dân. Tổ chức dân đi sơ tán người dân đến nơi an toàn.</li> <li>- Tổ chức cứu hộ, sơ tán các gia đình đơn thân, già yếu và các hộ nằm trong vùng có nguy cơ bị ảnh hưởng nặng và dễ bị ngập lụt.</li> <li>- Cung cấp lương thực, thực phẩm thuốc men, nước uống cho người dân đến nơi sơ tán. Bố trí lực lượng di dời, bảo vệ tài sản nơi đi và nơi đến sơ tán, bố trí lực lượng trực nơi xung yếu.</li> <li>- Huy động nhân dân làm vệ sinh môi trường, thu dọn cây ngã đổ, xác súc vật chết, xử lý nguồn nước bằng hóa chất; Trạm y tế xã cung cấp đầy đủ thuốc cloramin</li> </ul>
--------	-----	-----------------------------------	---------	---	---	---

			<p>ngập úng không có thu hoạch.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thiệt hại: 73 con trâu bò trên địa bàn xã</li> <li>Gà vịt, gà: 23.000 con</li> <li>- Thóc bị ngập hư hỏng 85 tấn</li> <li>+ Hải sản: 3,5ha tôm bị mất trắng hoàn toàn</li> </ul> <p><b>* SKVS môi trường:</b></p> <p>Ô nhiễm môi trường sau bão ảnh hưởng đến đời sống người dân (xác súc vật chết, cây ngã đổ, nguồn nước bị ô nhiễm).</p>	<p>công tác PCTT như: Khi nam giới vắng nhà, chị em gặp lúng túng;</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Đa số chị em phụ nữ không được tham gia các cuộc hội nghị triển khai công tác PCTT, tập huấn nên khi chuẩn bị phương châm 4 tại chỗ thường hay lúng túng.</li> <li>- 98% các hộ gia đình không có radio để nghe các thông tin diễn biến về thiên tai nên khi bão đến đa số người dân bị bất ngờ.</li> </ul> <p><b>*NTKN:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Do chủ quan đến khi bão bất ngờ ập đến người dân chưa kịp chèn đóng nhà cửa và di dời nên thiệt hại về nhà và tài sản.</li> <li>- Chưa được gia cố chằng chống nhà cửa từ trước.</li> <li>- Do người dân còn chủ quan không di dời tài sản trước;</li> </ul> <p>Không nghĩ là</p>	<p>để các hộ khử khuẩn.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Các hộ gia đình chủ động khắc phục hậu quả sau bão, lũ.</li> <li>-Thăm hỏi, động viên hộ gia đình bị thiệt hại nặng</li> <li>- Các đoàn thể, các tổ chức, nhà hảo tâm trong và ngoài xã tặng quà cho các hộ: Mỳ tôm, tiền...</li> <li>- Mặt Trận, Hội CTĐ vai trò chính trong việc vận động kêu gọi, hỗ trợ giúp các hộ dân.</li> <li>- UBND huyện hỗ trợ giống lúa, hoa màu cho các hộ bị thiệt hại.</li> <li>- Chủ động khắc phục hậu quả sau bão</li> <li>- 80% chị em tự lo chuẩn bị lương thực, thực phẩm.. đi sơ tán, duy trì cuộc sống gia đình.</li> <li>- Công việc chằng chống nhà cửa nam giới chịu trách nhiệm.</li> <li>- Huy động lực</li> </ul>
--	--	--	--	---	---

					đến nhanh và mạnh như vậy.	lượng sửa chữa giúp người dân khắc phục hậu quả thiên tai; ra quân làm công tác VS môi trường dọn dẹp vệ sinh làm sạch môi trường sau thiên tai.
11/2017	<b>Lũ, lụt</b>	Mưa to kéo dài, nước dâng nhanh Xuất hiện nhiều hơn so với những năm trước đây ( năm 2017 xuất hiện 3 lần) . Nước lên nhanh, rút chậm ( 3 ngày mới rút hết)	Toàn xã	<p><b>*ATCD:</b> -02 người bị thương. <b>Nhà:</b> Sập, hư hỏng mái 02 nhà tại thôn Mỹ Huệ 2 và Đông Yên 1(thuộc hộ cận nghèo) Nhà bị ngập nước: 100%. Nước dâng lên cao 1-3mét + Hệ thống loa truyền thanh bị hư hỏng: 06 cụm loa. + <b>Giao thông:</b> -Ngập nước dâng lên 1-3m, chia cắt hoàn toàn các trục đường giao thông chính, đường giao thông liên thôn bị ngập và chia cắt. -Tài sản các hộ trong gia đình bị hư hỏng nặng chiếm khoảng 40% (các thiết bị điện tử, các vật dụng trong gia đình) ước tính khoảng 6,5 tỷ đồng. <b>*SXKD:</b></p>	<p><b>*VC:</b> -Nhà nhà thiếu kiên cố. -Hệ thống loa truyền thanh chưa phủ kín địa bàn ; Các hộ xa trung tâm không nghe được thông tin - Hệ thống loa có 6/16 cụm loa bị hư hỏng không vận hành được -Thiếu phương tiện xuống cứu hộ, áo phao <b>*TCXH:</b> - Lực lượng chịu trách nhiệm về sơ tán di dời chưa quan tâm đúng mức. -Do thiếu vốn -Do địa lý, cuối dòng sông trà Bông. + Các lực lượng PCTT chưa có biện pháp quyết liệt khi thực</p>	<p>-Triển khai KH PCTT; -Địa phương tuyên truyền diễn biến của thời tiết cho người dân. Tổ chức dân đi sơ tán người dân đến nơi an toàn. - Tổ chức cứu hộ các gia đình bị ngập lụt. Đưa người già yếu, đi sơ tán - Cung cấp lương thực, thực phẩm thuốc men, nước uống cho người dân đến nơi sơ tán. Bố trí lực lượng di dời, bảo vệ tài sản nơi đi và nơi đến sơ tán, lực lượng trực nơi xung yếu. - Huy động nhân dân làm vệ sinh môi trường, xử lý nguồn nước bằng hóa chất;</p>



				<p>+ Hoa màu: 60 ha ớt, 70 ha rau đậu bị ngập và không có thu hoạch.</p> <p>- Thiệt hại: 12 con trâu bò trên địa bàn xã</p> <p>Gà vịt, gà: 11.000 con</p> <p>- Thóc bị ngập hư hỏng 25 tấn</p> <p>+ Hải sản: 3,5ha tôm bị mất trắng hoàn toàn</p> <p><b>* SKVS môi trường:</b></p> <p>- Ô nhiễm môi trường sau lũ lụt ảnh hưởng đến đời sống người dân</p>	<p>hiện nhiệm vụ.</p> <p>- Địa bàn rộng; giao thông chia cắt</p> <p>- Mất điện, các phương tiện liên lạc không sử dụng.</p> <p><b>Vấn đề giới:</b></p> <p>- Ảnh hưởng trực tiếp đến công tác PCTT như: Khi nam - Đa số chị em phụ nữ không được tham gia các cuộc hội nghị triển khai công tác PCTT, tập huấn nên khi chuẩn bị phương châm 4 tại chỗ thường hay lúng túng.</p> <p>- 98% các hộ gia đình không có radio để nghe các thông tin diễn biến về thiên tai nên khi nước lên nhanh đa số người dân bị bất ngờ.</p> <p><b>*NTKN:</b></p> <p>- Do chủ quan đến khi nước lũ lên mới di dời nên thiệt hại tài sản.</p> <p>- Chưa được gia cố chằng chống.</p> <p>- Do người dân còn chủ quan không di dời tài</p>	<p>Trạm y tế xã cung cấp đầy đủ thuốc cloramin để các hộ khử khuẩn</p> <p>- Các hộ gia đình chủ động khắc phục hậu quả sau lũ, lụt.</p> <p>- Thăm hỏi, động viên - Các đoàn thể, các tổ chức, nhà hảo tâm thăm hỏi, trong và ngoài xã tặng quà cho các hộ: Mỳ tôm, tiền.</p> <p>- Mặt Trận, Hội CTĐ vai trò chính trong việc vận động kêu gọi, hỗ trợ giúp các hộ dân.</p> <p>- UBND huyện hỗ trợ giống màu cho các hộ bị thiệt hại.</p> <p>- Chủ động khắc phục hậu quả sau lũ lụt,</p> <p>- 80% chị em tự lo chuẩn bị lương thực, thực phẩm.. đi sơ tán, duy trì cuộc sống gia đình.</p> <p>- Công việc chằng chống nhà cửa nam giới chịu trách nhiệm.</p> <p>- Huy động lực</p>
--	--	--	--	--	---	--

					sản trước; Không nghĩ là nước lên nhanh và lớn như vậy.	lượng sửa chữa giúp người dân khắc phục hậu quả thiên tai; ra quân làm công tác VS môi trường dọn dẹp vệ sinh làm sạch môi trường sau thiên tai.
--	--	--	--	--	--	--

## 2. Thông tin đánh giá về TTDBTT

### Nhân xét chung:

Mặc dù công tác phòng chống thiên tai được các cấp ủy Đảng, chính quyền địa phương quan tâm. Nhưng với vị trí là vùng trũng, ven sông Trà Bồng, cơ sở hạ tầng, nhà ở của người dân thiếu kiên cố (*Toàn xã có 1.910 nhà bán kiên cố, 145 nhà ở thiếu kiên cố; có 1.050 nhà ở thuộc vùng có rủi ro cao*), người dân sinh sống chủ yếu bằng nông nghiệp và ngư nghiệp (thu nhập không ổn định); một số người dân còn chủ quan, xem nhẹ và thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai, chưa có kinh nghiệm, kiến thức trong việc xây dựng nhà an toàn chống bão, lũ...thì nguy cơ bị thiệt hại do thiên tai như Bão, lũ lụt là rất lớn; khả năng ứng phó, phục hồi chậm, đời sống người dân gặp nhiều khó khăn đặc biệt là các vùng trũng, vùng có nguy cao (*Xem bảng tóm tắt TTDBTT của xã dưới đây*).

### BẢNG TÓM TẮT TÌNH TRẠNG DỄ BỊ TỒN THƯƠNG

Lĩnh vực	Khía cạnh	Tình trạng dễ bị tổn thương
<b>An toàn cộng đồng</b>	Cơ sở vật chất	<p><b>* Tổng số nhà ở: 2.405 nhà</b>  <b>+ Nhà không an toàn:</b>  - Nhà Bán kiên cố: 1.910 nhà  - Nhà thiếu kiên cố: 141 nhà:  +Thôn Mỹ Huệ I: 36  +Thôn Mỹ Huệ II: 13  + Thôn Mỹ Huệ III: 25  + Thôn Đông Yên I: 22  + Thôn Đông Yên II: 13  + Thôn Đông Yên III: 32  - Số nhà cấp 4, chưa an toàn: 60%  Trong đó:  Hiện nay hộ có nhà không an toàn ở vùng có nguy cơ</p>

	<p>rủi ro cao 141 nhà :</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>* Số nhà không an toàn với thiên tai (bão, lụt, sạt lở) trong xã: 141 nhà</li> <li>* Tổng số nhà đề nghị nâng cấp, gia cố (dự án 18 nhà)</li> <li>* Tổng số nhà đề nghị di dời đến nơi an toàn: 195 nhà (8,8%)</li> <li>+ Thôn Mỹ Huệ 1: 15 hộ</li> <li>+ Thôn Đông Yên III: 60 hộ</li> <li>+ Thôn Mỹ Huệ III: 50 hộ</li> <li>+ Thôn Đông Yên I: 70 hộ</li> <li>- Riêng thôn Đông Yên III: có 60 hộ dân ven sông (1.3 km) có nguy cơ sạt lở cao;</li> <li>- Thôn Mỹ Huệ III: có 50 hộ dân ven sông (1km) có nguy cơ sạt lở ;</li> <li>- Xóm 1A thôn Mỹ Huệ I: có 15 hộ bị ảnh hưởng ven sông (800m) có nguy cơ sạt lở;</li> <li>- Trường tiểu học có 2 dãy không kiên cố.</li> <li>- 06 nhà văn hóa thôn bán kiên cố.</li> </ul> <p><b>* Giao thông;</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường giao thông tuyến xã chưa được nhựa hóa: 1.66 km chiếm 28 %</li> <li>+ Đường giao thông tuyến thôn chưa được bê tông hóa: 0.3 km chiếm 0.8 %</li> <li>+ Đường giao thông ngõ xóm chưa được bê tông hóa: 11.6 km chiếm 70 %</li> <li>-+ Nguy cơ chia cắt cao: giữa Thôn Đông Yên III và xóm 1A thôn Mỹ Huệ I</li> <li>* Khu vực nhà dân có nguy cơ cao đối với bão lũ lụt: 693 nhà;</li> <li>-Thôn: Mỹ Huệ I: 93 hộ</li> <li>- Thôn : Mỹ Huệ III: 70 hộ</li> <li>- Thôn : Đông Yên I: 350 hộ</li> <li>- Thôn : Đông Yên II: 60 hộ</li> <li>- Thôn : Đông Yên III: 120 hộ</li> <li>* <u>Khu vực có nguy cơ cao đối với sạt lở:</u></li> <li>- Khu vực dọc bờ sông Trà Bồng các xóm như: Xóm 1A thôn Mỹ Huệ I ( 15 hộ); Thôn Mỹ Huệ III ( 50 hộ)và Thôn Đông Yên I (70 hộ); Thôn Đông Yên III (60 hộ) có nguy cơ sạt lở.</li> <li>* <b>Hệ thống cảnh báo sớm:</b></li> <li>- Trên địa bàn xã hiện nay 2 cụm loa truyền thanh sử dụng chưa hiệu quả (xóm Đập thôn Đông Yên II; và thôn Đông Yên III)</li> <li>- 95% hộ dân không sử dụng đài, radio, khi thiên tai xảy ra mất điện không nắm được thông tin diễn biến của thiên tai;</li> <li>- 60% hộ dân chưa tiếp cận được internet.</li> <li>* <b>Phương tiện tại chỗ:</b></li> </ul>
--	---

		<ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% người dân không có áo phao. Phao bơi.</li> <li>- Không có nơi neo đậu tàu thuyền</li> <li>- Đa số người dân không có thuyền để di chuyển khi cần thiết.</li> </ul>
	<b>Tổ chức xã hội</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tỷ lệ nữ tham gia Ban CH PCTT thấp (xã có 3 nữ);</li> <li>- Các thành viên Ban chỉ huy PCTT, đội thanh niên xung kích chưa được tập huấn kiến thức về PCTT, cứu hộ cứu nạn; Chưa được diễn tập;</li> <li>- Lực lượng tham gia PCTT các thôn không có chế độ, phương tiện cứu hộ cứu nạn còn hạn chế.</li> <li>- Kinh phí cho Ban PCTT xã còn hạn chế, chưa có kinh phí hỗ trợ cho các tiểu ban PCTT thôn, xóm</li> <li>- Công tác truyền thông về kiến thức PCTT còn hạn chế, chỉ tuyên truyền khi có thông báo diễn biến của thiên tai.</li> <li>- Kế hoạch PCTT được xây dựng từ tháng 3 nhưng thường đến tháng 7 hàng năm mới triển khai đến các thôn.</li> <li>- Việc đôn đốc nhắc nhở, kiểm tra giám sát về PTTT chưa được thường xuyên;</li> <li>- Sơ kết, tổng kết công tác PCTT tại địa phương được thực hiện tuy vậy công tác thi đua khen thưởng, biểu dương những cá nhân, đơn vị có thành tích về PCTT không được thực hiện. Hàng năm có xây dựng phương án PCTT nhưng chưa chi tiết, cụ thể chưa xác định được cụ thể các rủi ro thiên tai, BDKH;</li> <li>- Các tổ chức đoàn thể chưa đưa nội dung tuyên truyền PCTT đến cán bộ, hội viên là một trong những nhiệm vụ chính trị của tổ chức, đoàn thể; chưa tổ chức được sinh hoạt chuyên đề về PCTT.</li> <li>- Chưa triển khai Luật PCTT đến cán bộ nhân dân.</li> </ul>
	<b>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/động cơ</b>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 20% người dân còn chủ quan</li> <li>- 20% người dân chưa có kinh nghiệm PCTT;</li> <li>- Thiếu kiến thức về phòng chống thiên tai;</li> <li>- Chị em phụ nữ tham gia vào công tác PCTT chiếm tỷ lệ thấp; thiếu kinh nghiệm PCTT</li> <li>- Số người dân không biết bơi chiếm 60%;</li> <li>- 15% hộ dân còn chủ quan chưa chủ động chuẩn bị lương thực thực phẩm, thuốc men đi sơ tán di dời khi có lệnh của CQ địa phương;</li> <li>- Phụ nữ bị ảnh hưởng bởi gánh nặng tâm lý khi chồng đi đánh bắt.</li> <li>- Vào mùa mưa bão không có người gánh vác công việc gia đình nên thiệt hại về tài sản trong gia đình rất cao.</li> </ul>
<b>Sản xuất</b>		

<b>kinh doanh</b>	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% Tàu bè các hộ dân không có áo phao.</li> <li>- Kênh mương chưa được kiên cố: 41.55 km chiếm 60%</li> <li>- 100% diện tích trồng trọt bị ngập lụt khi thiên tai xảy ra (342 ha trong đó lúa 214 ha còn lại là hoa màu).</li> <li>- <i>Nuôi trồng thủy sản bị thiệt hại nặng (4.3 ha mất trắng), bờ bao hồ tôm thấp, dễ bị ngập lụt.</i></li> <li>- Phương tiện đánh bắt gần bờ nhỏ lẻ, đơn sơ.</li> <li>- Hệ thống chuồng trại chăn nuôi thiếu đảm bảo; chăn nuôi theo hộ gia đình, thiếu hệ thống xử lý chất thải nên dễ gây ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Hệ thống ao, hồ nuôi trồng thủy sản chủ yếu là ao đất.</li> </ul>
	<b>Tổ chức xã hội:</b>	<p>Con người:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>-Người cao tuổi: 256 người.</li> <li>-Người nghèo: 115 hộ.</li> <li>-Người khuyết tật: 135 người</li> <li>- Phụ nữ mang thai 49 người.</li> <li>- Người bị bệnh hiểm nghèo: 25 người.</li> <li>- Số người tham gia đánh bắt: khoảng 168 lao động</li> <li>- Số người nuôi trồng thủy hải sản 38 hộ; khoảng 300 lao động ( chủ yếu là nam)</li> </ul> <p>+ Các tổ chức đoàn thể hàng năm có tổ chức các lớp tập huấn chuyên giao khoa học kỹ thuật, kỹ thuật trồng trọt chăn nuôi cho cán bộ, hội viên nhưng số lớp mở ít, ít người được tham gia;</p> <p>+ Các mô hình chuyên giao khoa học kỹ thuật còn ít;</p> <p>+ Sản phẩm làm ra không có nơi tiêu thụ đầu ra không ổn định, giá cả phụ thuộc hoàn toàn về thị trường</p> <p>+ Số người tham gia tập huấn kiến thức về chăn nuôi, trồng trọt, phát triển kinh tế hộ gia đình còn ít;</p> <p>+ Tổ chức các lớp tập huấn, đào tạo nghề chưa được làm thường xuyên.</p>
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/động cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Một số hộ gia đình gieo trồng lúa, hoa màu không tuân theo sự khuyến cáo của cán bộ khuyến nông.</li> <li>- Một số hộ dân thiếu kiến thức kinh nghiệm lựa chọn giống cây trồng vật nuôi, thuốc bảo vệ thực vật;</li> <li>- Người dân không có ý thức, thói quen dự trữ giống lúa, hoa màu phòng khi mất giống do thiên tai</li> </ul>
<b>Sức khỏe, vệ sinh, môi trường</b>	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trang thiết bị, dụng cụ khám chữa bệnh cho người dân còn thiếu.</li> <li>- Nguồn nước máy cung cấp cho dân chưa được đảm bảo.</li> <li>- Số hộ sử dụng nhà vệ sinh tạm: 1%;</li> <li>- Không có hệ thống cống rãnh thoát nước thải gây ô nhiễm môi trường.</li> <li>- Chủ yếu lực lượng lao động nữ tham gia gieo trồng, trồng và chăm sóc lúa hoa màu nên khi bị thiên tai</li> </ul>

		thường hay bị một số các bệnh ngoài da, một số bệnh liên quan đến phụ nữ do nguồn nước bị ô nhiễm. - Do ở dọc theo sông Trà Bồng nên khi lũ lụt rác thải thường dồn về ứ đọng gây ô nhiễm nặng.
	Tổ chức xã hội	- Lực lượng cán bộ y tá thôn còn thiếu (địa bàn rộng, dân số đông); Trang thiết bị, thuốc men phục vụ khám chữa bệnh cho người dân còn thiếu, chưa đảm bảo. - Công tác truyền thông kiến thức Chăm sóc sức khỏe chưa được làm thường xuyên. - Chưa tổ chức được lớp tập huấn về sơ cấp cứu cho lực lượng xung kích, các thành viên trong ban chỉ huy PCTT của địa phương. - Công tác vệ sinh môi trường chưa được đôn đốc, nhắc nhở thường xuyên. Chưa có sự vào cuộc đồng bộ của các ban ngành, đoàn thể;
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	- 85% người dân không có tủ thuốc gia đình. - 30% chị em phụ nữ, hộ gia đình chưa thực hiện tốt công tác VSMT - 25% người dân không có thói quen khám bệnh định kỳ. - Ý thức của người dân trong việc bảo vệ môi trường còn hạn chế. - Xả thải bừa bãi các vỏ bao bì thuốc bảo vệ thực vật...

**\* Nhận xét đặc điểm dễ bị tổn thương cụ thể cho từng ngành Kinh tế - Xã hội của xã với thiên tai/BDKH:**

Với những bất lợi nêu trên, sự tác động khó lường của thiên tai/biến đổi khí hậu, cùng với điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn của xã thì những rủi ro do thiên tai gây ra trên địa bàn sẽ làm ảnh hưởng đến phát triển kinh tế - xã hội của địa phương là rất lớn. Nguy cơ bị thiệt hại về Nhà ở, Cơ sở hạ tầng giao thông, thủy lợi, Cơ sở Y tế, Giáo dục, các công trình phúc lợi...là rất cao.

Các hoạt động sản xuất bị sẽ bị ảnh hưởng nghiêm trọng, đặc biệt là về lĩnh vực sản xuất nông nghiệp và ngư nghiệp, như: trồng Lúa, hoa màu, nuôi trồng thủy sản...

Hoạt động kinh doanh, dịch vụ, tiểu thương buôn bán nhỏ trên địa bàn sẽ bị ảnh hưởng lớn khi có thiên tai xảy ra kéo dài như: Bão, lũ lụt...làm cô lập các tuyến đường giao thương buôn bán trên địa bàn với các xã lân cận, dẫn đến ảnh hưởng đến thu nhập, việc làm của người dân, trong đó đối tượng bị ảnh hưởng nhất (người già và trẻ em,...).

**Tình trạng dễ bị tổn thương của xã về cơ sở vật chất đối với an toàn cộng đồng:**

**An toàn nhà dân**

TT	Thống kê	An toàn nhà dân		
		Nhà bán kiên cố	Nhà thiếu kiên cố	Nhà đơn sơ (cần nâng cấp)
	Tổng số	1910	141	
1	Thôn Mỹ Huệ I	464	36	0
2	Thôn Mỹ Huệ II	320	13	0

3	Thôn Mỹ Huệ III	245	25	0
4	Thôn Đông Yên I	543	22	0
5	Thôn Đông Yên II	171	13	0
6	Thôn Đông Yên III	167	32	0

<b>Đường giao thông, đê, cầu, cống</b>			
<b>TT</b>	<b>Tên công trình, địa điểm</b>	<b>Mô tả (đường đất, bê tông, nhựa, v.v.v)</b>	<b>Tình trạng rủi ro</b>
1	Đường huyện chạy qua địa bàn xã dài 1.983 Km	Được bê tông hóa	Bị ngập nước, nước lũ chảy xiết qua đường
2	Đường xã	Đã được cứng hóa và nhựa hóa	Dễ bị ngập lụt
3	Đường thôn	Đã được cứng hóa và nhựa hóa	Dễ bị sạt lở đất, nước tràn chảy xiết
4	Đường nội đồng chính	60 % được cứng hóa	Dễ bị sạt lở đất; nước ngập
5	Tuyến bờ kè dọc sông Trà Bông gồm các thôn Đông Yên III; thôn Mỹ Huệ III; thôn Đông Yên I	Đã được Bê tông hóa	Nước chảy xiết, có nguy cơ sạt lở ven bờ

<b>An toàn Công sở</b>				
	<b>Tên công trình, địa điểm</b>	<b>Quy mô xây dựng</b>	<b>Rủi ro</b>	<b>Số người có thể bị ảnh hưởng</b>
1	Trụ sở UBND xã	Kiên cố	Hội trường dễ bị tốc mái.	42 người
2	Trạm y tế xã	Kiên cố	Ngập nước	07 người
3	Trường THCS và Tiểu học; trường mầm non xã	Kiên cố	Người có thể bị thương Cây dễ ngã đổ, mưa lớn dễ dột ướt đồ dùng học tập; ngập nước.	1.250 người
5	Nhà văn hóa 6 thôn:	Bán Kiên cố	Dễ bị ngập nước, tốc mái khi có bão	
6	HTX NN xã	Bán kiên cố	Dễ bị ngập nước, dễ tốc mái; ngã đổ	

### 3. Thông tin đánh giá về Năng lực PCTT

**Nhận xét chung:** Như đã nêu trên, công tác phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn xã Bình Dương được các cấp quan tâm, chú trọng. Đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm xuyên suốt trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Tổ chức bộ máy công tác phòng chống thiên tai được thực hiện đồng bộ từ xã đến thôn, tổ, cụm dân cư. Hàng năm có kiện toàn và thành lập Ban chỉ huy PCTT& TKCN xã, kiện toàn đội cứu hộ, tổ thanh niên xung kích, phân công cán bộ đứng cánh từng địa bàn; công tác tuyên truyền nâng cao ý thức về công tác PCTT cho người dân được quan tâm; phương tiện trang thiết bị phục vụ PCTT được chính quyền huy động bằng mọi nguồn lực, phát huy thực hiện tốt phương châm 4 tại chỗ, kịp thời ứng phó với thiên tai xảy ra.

Xã Bình Dương có hệ thống giao thông thuận tiện, các điều kiện về Trường học, Trạm y tế, lưới điện đảm bảo phục vụ nhu cầu của người dân trong công tác phòng chống thiên tai.

Chính quyền địa phương luôn quan tâm, tạo điều kiện và hỗ trợ người dân trong phát triển sản xuất, thường xuyên tuyên truyền nâng cao nhận thức, năng lực cho người dân trong phòng chống thiên tai, qua đó nhận thức của người dân ngày càng được nâng lên, có kinh nghiệm nhiều hơn đối với công tác phòng chống rủi ro thiên tai và biến đổi khí hậu.

#### BẢNG TÓM TẮT NĂNG LỰC PHÒNG CHỐNG THIÊN TAI

Lĩnh vực	Khía cạnh	Năng lực phòng chống thiên tai
An toàn cộng đồng	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"><li>* <b>Tổng số nhà ở: 2.405 nhà</b></li><li>- Nhà kiên cố: 350 nhà, trong đó:<ul style="list-style-type: none"><li>+Thôn Mỹ Huệ I: 90</li><li>+Thôn Mỹ Huệ II: 60</li><li>+ Thôn Mỹ Huệ III: 55</li><li>+ Thôn Đông Yên I: 80</li><li>+ Thôn Đông Yên II: 40</li><li>+Thôn Đông Yên III: 25</li></ul></li><li>Trên địa bàn xã có : 350 hộ có nhà ở 2 tầng làm nơi trú ẩn an toàn cho các hộ lân cận.</li><li>- Số nhà có gác lửng để tránh lũ chiếm khoảng 40%;</li><li>- Trụ sở UBND xã có 1 nhà 1 tầng, 13 phòng (có thể làm nơi tránh trú bão được khoảng 100 người dân);.</li><li>- Trường THCS có 2 dãy nhà kiên cố: Có thể làm nơi tránh trú bão</li></ul>



		<p>được: 1000 người dân. Có hệ thống công trình phụ đảm bảo cho người dân khi sơ tán đến</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Trường tiểu học có 2 dãy kiên cố: Có thể làm nơi tránh trú bão: 300 người dân;</li> <li>- Trường Mẫu giáo có 01 dãy nhà kiên cố có thể làm nơi tránh trú bão được: 350 người dân</li> <li>- Trạm Y tế kiên cố (gồm 5 phòng).</li> </ul> <p>* Trụ sở UBND xã, hệ thống trường học, trạm y tế là nhà kiên cố làm nơi tránh trú bão.</p> <p><b>* Giao thông;</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Đường giao thông tuyến xã được nhựa hóa: 2.98km/4.64 km chiếm 72.0%</li> <li>+ Đường giao thông tuyến thôn được bê tông hóa: 3.64km/3.94 km chiếm 92.0%</li> <li>+ Đường giao thông ngõ xóm được bê tông hóa: 5.04km/16.64 km chiếm 30%</li> </ul> <p><b>* Hệ thống thông cảnh báo sớm:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- 34 loa truyền thanh sử dụng tốt, phục vụ được 90% người dân.</li> <li>- Số hộ có ti vi, điện thoại chiếm 95%</li> <li>- Hộ sử dụng điện lưới quốc gia 100%</li> <li>- 16 cụm loa truyền thanh hoạt động tốt.</li> </ul> <p><b>* Phương tiện tại chỗ:</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ô tô: xe tải : 18 chiếc</li> <li>- Xe 2 bánh: 95% hộ dân</li> <li>- Có các phương tiện, vật dụng cần thiết cần thiết trong phòng chống thiên tai.</li> </ul> <p>(các phương tiện được huy động sử dụng công tác PCTT)</p>
	<p><b>Tổ chức xã hội</b></p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã: 20 người (3 nữ)</li> <li>- Lực lượng cứu hộ cứu nạn: 55 người (nam)</li> <li>- Có 9 tiểu ban phòng chống TT: 41 người (6 thôn, 3 trường học và trạm y tế).</li> <li>- Lực lượng cơ động 12 người</li> <li>- Lực lượng thanh niên xung kích: 15 người</li> <li>- Lực lượng dự bị động viên 15 người:</li> <li>+ Thực hiện nghiêm túc chỉ đạo của Ban Chỉ huy PCTT cấp trên.</li> <li>+ Hàng năm tiến hành củng cố, kiện toàn Ban chỉ huy PCTT ( Có quyết định), tiến hành sơ kết, tổng kết hàng năm.</li> <li>+ Thăm hỏi động viên kịp thời những hộ gia đình gặp rủi ro, thiệt hại khi thiên tai xảy ra.</li> <li>- Đa số các thành viên Ban Chỉ huy PCTT chấp hành nghiêm chỉnh sự phân công công việc.</li> <li>- Có kinh nghiệm trong chỉ đạo, điều hành tổ chức thực hiện công tác PCTT.</li> <li>- Có tinh thần trách nhiệm cao, phân công trực 24/24 khi có thông báo về diễn biến của thiên tai.</li> </ul>

	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 80% người dân chấp hành nghiêm túc chỉ đạo của Ban chỉ huy PCTT địa phương;</li> <li>- 80% người dân có ý thức kinh nghiệm về PCTT;</li> <li>- 40% người dân biết bơi.</li> <li>- 75% hộ dân có ý thức chuẩn bị lương thực thực phẩm, thuốc men chuẩn bị sơ tán di dời khi có lệnh của CQ địa phương;</li> <li>- 5% phụ nữ tham gia hoạt động PCTT</li> <li>- 15% hộ gia đình có tủ thuốc gia đình.</li> <li>- Có tinh thần đoàn kết giúp đỡ lẫn nhau khi có thiên tai.</li> </ul>
<b>Sản xuất kinh doanh</b>	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hệ thống kênh mương toàn xã 54.40km:</li> <li>+ Được kiên <b>cố hóa 12.85 km chiếm 30 %;</b></li> <li>- Toàn xã có 44 chiếc ghe thuyền đánh bắt gần bờ; tạo công ăn việc làm cho khoảng 168 lao động được trang bị áo phao</li> <li>- Thuyền thúng: 168 chiếc, được sử dụng khi lũ lụt xảy ra.</li> <li>- Có 2 chợ được xây dựng là nơi giao thương hàng hóa phục vụ sinh hoạt cho người dân;</li> <li>- Có khoảng 49.11 ha diện tích rừng</li> <li>+ Đất trồng lúa nước có 214 ha</li> <li>+ Đất trồng rau màu : 128 ha</li> <li>+ Đất nuôi trồng thủy sản : 49 ha</li> <li>+ Đất nông nghiệp khác : 32ha</li> <li>+ Đất phòng hộ: 4.5 ha</li> <li>* Đất phi nông nghiệp: 524 ha</li> </ul>
	Tổ chức xã hội	<ul style="list-style-type: none"> <li>Tổng số lao động toàn xã : 3.629 người</li> <li>- Số lao động làm nông nghiệp: 2.198 người.</li> <li>- Số lao động phi nông nghiệp: 1.431 người :</li> <li>+ Số lao động tham gia đánh bắt: 168 người</li> <li>+ Số lao động làm nghề tiểu thủ công nghiệp: 992 người.</li> <li>+ Số lao động làm nghề mộc, nghề xây: 271 người</li> <li>- Số lao động qua đào tạo: 1.147</li> <li>- 50% số người chưa qua tập huấn, chưa có kỹ thuật</li> <li>- Năm 2017 Hội Nông tổ chức tập huấn 1 lớp, rau sạch an toàn 50 hộ dân.</li> <li>- Trung tâm khuyến nông của huyện tập huấn kiến thức chuyên giao khoa học kỹ thuật trồng trọt cho hơn 200 hộ dân.</li> </ul>
	Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/ động cơ	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Gieo trồng lúa đa số bà con làm theo kinh nghiệm (không theo lịch thời vụ).</li> <li>- Lực lượng lao động đánh bắt có kinh nghiệm ngư trường; kinh nghiệm dự đoán thời tiết; Có kiến thức và kỹ năng bơi lội.</li> <li>- Tinh thần đoàn kết, tương thân, tương ái lẫn nhau.</li> </ul>
<b>Sức khỏe, vệ sinh, môi trường</b>	Cơ sở vật chất	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Trạm y tế 1 tầng kiên cố có thể làm nơi tránh trú bão.</li> <li>- Có 01 nhà máy nước sạch cung cấp cho nhân dân.</li> <li>- Số hộ có nhà vệ sinh tự hoại: 99%</li> <li>- Hệ thống cống rãnh thoát nước thải sinh hoạt chủ yếu các hộ gia đình tự xử lý.</li> <li>- Thiếu các dụng cụ thu gom rác thải chứa rác công cộng;</li> <li>- Có đội thu gom rác thải mỗi tuần thu gom 2 lần;</li> </ul>

	<p>Tổ chức xã hội</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Số cán bộ tại Trạm y tế : 6 người</li> <li>+ Bác sỹ : 01 (nam)</li> <li>+ Y sỹ: 01 người</li> <li>+ Nữ hộ sinh: 03 người</li> <li>+ Điều dưỡng : 01 người</li> <li>+ Y tế thôn: 06/6 thôn</li> <li>- Thực hiện tốt công tác tiêm chủng mở rộng;</li> <li>- Tuyên truyền cho người dân cách phòng bệnh theo mùa, phòng bệnh sau thiên tai; khử khuẩn làm vệ sinh môi trường sau khi thiên tai xảy ra</li> <li>- Hàng năm, phối hợp tổ chức khám bệnh, cấp thuốc miễn phí cho các hộ nghèo, người già...</li> <li>- Hội phụ nữ tổ chức triển khai chị em thực hiện phong trào “Năm không, ba sạch” do TW Hội phát động.</li> <li>- 80 % người dân có tham gia Bảo hiểm y tế</li> </ul>
	<p>Nhận thức, kinh nghiệm, thái độ/động cơ</p>	<ul style="list-style-type: none"> <li>- 5% người dân có tủ thuốc gia đình.</li> <li>- 50% người dân biết sử dụng cây thuốc nam thông thường</li> <li>- 70% chị em phụ nữ có ý thức thực hiện tốt công tác VSMT.</li> </ul>

**\*Nhận xét về năng lực phòng chống thiên tai và thích ứng với BĐKH cụ thể cho từng ngành Kinh tế - Xã hội**

Là địa bàn thường xuyên chịu nhiều tác động của thiên tai, biến đổi khí hậu. Vì vậy trong từng lĩnh vực, ngành nghề khác nhau chính quyền luôn đề cập đến khả năng ứng phó với thiên tai thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các công trình cơ sở hạ tầng, giao thông, thủy lợi, cơ sở Y tế, trường học được hướng đến đa chức năng, như đường giao thông - tránh lũ, hệ thống kênh mương thủy lợi đảm tưới tiêu cho sản xuất nông nghiệp đồng thời đảm bảo chống sa bồi thủy phá, thoát lũ tốt...

Căn cứ xu hướng diễn biến của thời tiết/BĐKH sẽ linh hoạt trong khai thác thủy hải sản, nuôi trồng; cơ cấu giống cây trồng, vật nuôi phù hợp điều kiện thời tiết/biến khí hậu trong thời gian dài hạn.

Các hoạt động sản xuất kinh doanh, buôn bán nhỏ trên địa bàn từng bước hoạt động theo hướng bền vững, hàng hóa giao thương ngày càng đa dạng và phong phú. Đáp ứng lượng hàng hóa cung ứng cho người dân trong trường hợp thiên tai xảy ra kéo dài.

**4. Đánh giá mức độ nhận thức về rủi ro thiên tai của người dân**

Là địa bàn xã thuộc vùng trũng nằm dọc sông Trà Bồng thường xuyên bị tác động bởi thiên tai, nhưng hiểu biết về rủi ro thiên tai/biến đổi khí hậu của người dân còn hạn

chế, chưa có nhiều kinh nghiệm về phòng chống thiên tai, đặc biệt chưa có biện pháp nhằm giảm thiểu tác động trong điều kiện biến đổi khí hậu ngày càng cực đoan hơn.

Bên cạnh đó, do điều kiện kinh tế khó khăn, đời sống người dân còn ở mức thấp nên họ vẫn chưa thực sự quan tâm đến công tác phòng chống thiên tai. Một số người dân chưa có ý thức trong việc phòng chống thiên tai, còn trông chờ, y lại vào sự đầu tư, hỗ trợ của nhà nước nên chưa huy động được nhiều nội lực.

Qua đợt đánh rủi ro thiên tai tại cộng đồng trên địa bàn, nhận thấy sự quan, nhận thức về công tác PCTT của nam giới tốt hơn so với nữ giới, vì nam giới thường là trụ cột gia đình, là người quyết định mọi việc và tham gia các hoạt động xã hội nhiều hơn; đồng thời cũng là người tham gia công tác PCTT nhiều hơn, nên hiểu biết về rủi ro thiên tai cũng cao hơn nữ giới.

## C. TỔNG HỢP RỦI RO THIÊN TAI VÀ GIẢI PHÁP PHÒNG, CHỐNG THIÊN TAI/BĐKH

### 1. Bảng Tổng hợp đánh giá rủi ro thiên tai

Thiên tai	Xu hướng thiên tai	Rủi ro thiên tai
Bão, Lũ lụt	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Mưa lớn kéo dài, nước thượng nguồn xuống nhanh.</li> <li>- Cường độ ngày càng lớn, không theo quy luật.</li> <li>- Khó dự đoán, phạm vi ảnh hưởng rộng.</li> <li>- Cấp độ Bão ngày càng lớn</li> <li>- Di chuyển khó lường, khó dự báo</li> <li>- Tần suất diễn ra nhiều hơn so với những năm trước đây</li> </ul>	<p><b>*ATCD:</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1- Nhà có thể bị sập, đổ khi có thiên tai</li> <li>2- Người có thể chết, bị thương</li> <li>3- Tài sản, vật dụng gia đình có thể bị hư hỏng/trôi khi có thiên tai.</li> <li>4- Đường giao thông, thủy lợi có thể bị sạt lở, hư hỏng, chia cắt hoàn toàn khi có thiên tai</li> <li>5- Hệ thống loa truyền thanh có thể bị hư hỏng, gãy đổ khi thiên tai xảy ra.</li> <li>6- Các công trình cộng đồng, phúc lợi bị hư hỏng</li> </ol> <p><b>*SXKD</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>7- Mất mùa, giảm năng suất lúa, hoa màu...</li> <li>8- Mất mùa giảm năng suất nuôi trồng hải sản</li> <li>9- Mất, giảm thu nhập từ nghề đánh bắt nuôi trồng thủy sản</li> <li>11- Ghe, thuyền bị hư hỏng</li> </ol> <p><b>*SK, VSMT</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>12- Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm</li> <li>13- Ô nhiễm môi trường sau thiên tai.</li> <li>14- Một số dịch bệnh ở người sau thiên tai có nguy cơ bùng phát.</li> </ol>

--	--	--

**\* Xếp hạng các rủi ro/ vấn đề mà người dân quan tâm**

Qua đánh giá, phân tích về lịch sử thiên tai, TTDBTT tại cộng đồng, người dân và cán bộ xã (*đảm bảo thành phần Nam-Nữ*) đã xác định được các rủi ro thiên tai thường xuyên ảnh hưởng đến đời sống người dân trên bàn theo thứ tự ưu tiên như sau:

**XẾP HẠNG CÁC RỦI RO**

<b>Rủi ro thiên tai</b>	<b>Cụm thôn (Đông Yên 1,2,3)</b>	<b>Cụm thôn (Mỹ Huệ 1,2,3 )</b>	<b>Tổng nam/nữ</b>	<b>Tổng cộng</b>	<b>Xếp hạng</b>

	Nhóm lĩnh vực	CÁC GIẢI PHÁP	ĐIỂM VÀ ĐỐI TƯỢNG		HOẠT ĐỘNG CỤ THỂ			THỜI GIAN DỰ KIẾN	NGUỒN KINH PHÍ		
			Nam (17)	Nữ (7)	Nam (31)	Nữ (11)	NHÀ NƯỚC		NGƯỜI DÂN		
Thiệt hại về Y&S ở			06	07	08	13	15	28		05	
Đường giao thông bị hư hỏng sạt lở	ATCD		01	04	09	08	10	12	22	08	
Thiệt hại về người (chết hoặc bị thương)			08	01	10	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán 10	18	11	29	04	
Mất mùa, giảm năng suất, thiệt hại về gia súc, gia cầm	Xây dựng hệ thống tưới, thoát nước.	05	09	09	- Vận động nguồn lực địa phương - Triển khai thực hiện	09	14	18	2018 - 2020 32	x	02
Thiệt hại về gia súc, gia cầm		02	06	08	- Đưa vào sử dụng, vận hành quản lý	09	10	15	25		07
Ô nhiễm môi trường.			07	03	10	10	17	13	30		03
Nguồn nước sinh hoạt bị ô nhiễm			09	08	10	10	19	18	37		01
Dịch bệnh xảy ra ở người			04	05	10	09	14	14	28		06
Thiệt hại về nguồn lợi thủy sản.			03	02	06	08	09	10	19		09
Thiệt hại về hệ thống kênh mương thủy lợi			04	05	03	04	07	09	16		10

## 2. Tổng hợp các giải pháp và kế hoạch thực hiện các giải pháp PCTT/BĐKH

Qua phân tích nguyên nhân sâu xa về các rủi ro (**Bảng 8: Tổng hợp phân tích nguyên nhân các RRTT xã Bình Dương**), người dân, cán bộ và đoàn đánh giá thống nhất đề ra 15 giải pháp cơ bản (**Trên 3 lĩnh vực**) và các hoạt động cụ thể để thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực PCTT, thích ứng với BĐKH, giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản trong thời gian đến khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, cụ thể sau:

2	Nâng cấp hệ thống kênh mương thủy lợi	Người dân trên địa bàn toàn xã	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng, vận hành quản lý	2018 - 2025	x	x
3	Đầu tư, xây dựng hệ thống đê bao, công ngăn mặn trên địa bàn toàn xã.	Chính quyền, người dân thôn Đông Yên 2, 3, Mỹ Huệ 1,3	Xây dựng 5 km hệ thống đê bao, công ngăn mặn. Khôi phục rừng ngập mặn - Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng, vận hành quản lý	2018 - 2025	x	x
4	Tái tạo lại diện tích rừng ngập mặn nhằm giảm thiểu tác động của thiên tai và bảo vệ môi trường thích với biến đổi khí hậu đi đôi với phát triển sinh kế người dân.	Người dân trên địa bàn toàn xã	Đầu tư khôi phục lại diện tích rừng ngập mặn nhằm bảo vệ môi trường sinh thái giảm thiểu tác động của thiên tai đi đôi với phát triển sinh kế cho người dân theo hướng bền vững: - Khảo sát, đánh giá lập dự án - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng, vận hành quản lý	2018-2025	x	x
5	Xây dựng nhà sinh hoạt cộng đồng xóm kết hợp làm sơ tán dân	Người dân xóm 1A, 1B, xóm 2, 4B, xóm 7 thuộc thôn Mỹ Huệ I, Mỹ Huệ II, Đông Yên I.	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng, vận hành quản lý	2018 - 2025	x	x
6	Hỗ trợ trang thiết bị PCTT cho người dân	Đội xung kích xã và các thôn	- Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng (Trang bị 01 ghe máy/thôn; 25 áo phao/thôn; 25 phao cứu sinh/thôn, 03 đèn pin/thôn, 25 áo mưa/thôn, 25 mũ bảo hộ/thôn, 1 máy cưa/thôn, 25 ủng đi mưa/thôn, 03 loa cầm tay/thôn)	2018 - 2019	x	x
7	Hỗ trợ người dân xây dựng nhà chống lũ, bão	Hộ nghèo thuộc vùng có nguy cơ cao tại thôn Đông Yên 2,3 và Mỹ Huệ 1,3	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng	2018 - 2020	x	x

8	Bê tông hóa đường giao thông nông thôn	Người dân trên địa bàn toàn xã	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng, vận hành quản lý	2018 - 2020	x	x
9	Nâng cao nhận thức, kỹ năng cho cộng đồng về PCTT	Người dân trên địa bàn toàn xã	Tập huấn cho cộng đồng về kiến thức PCTT và kỹ năng chằng chống nhà cửa, xây dựng nhà an toàn cho người dân, tổ chức dạy bơi cho người dân đặc biệt là học sinh.	Hàng năm	x	
<b>SXKD</b>						
10	Cơ cấu giống cây trồng, lịch thời vụ hợp lý, kịp thời	Nông dân, toàn xã	- Khảo sát, làm mô hình thí điểm các giống cây trồng phù hợp với điều kiện tại địa phương. - Thực hiện đúng theo quy định lịch thời vụ do Trạm khuyến nông đưa ra phù hợp với đặc điểm của địa phương	Hàng năm	x	x
11	Quy hoạch vùng chăn nuôi tập trung	Nông dân, toàn xã	- Khảo sát, thiết kế, lập dự toán... - Vận động nguồn lực - Triển khai thực hiện - Đưa vào sử dụng.	2018 - 2025	x	x
12	Dự trữ nguồn thức ăn cho gia súc, gia cầm trong mùa mưa lũ	Nông dân, toàn xã	- Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân dự trữ thức ăn cho gia súc, gia cầm trước mùa mưa bão	Trước mùa mưa, bão hàng năm		
13	Tập huấn kỹ thuật về phòng chống dịch bệnh về nuôi trồng thủy sản	Nông dân, toàn xã	Tổ chức 06 đợt tập huấn/06 thôn về kỹ năng phòng, chống dịch bệnh cho các hộ dân tại các thôn	Hàng năm	x	
<b>SKVS MT</b>						
14	Xây dựng mới và nâng cấp hệ thống cấp nước sạch cho người dân	Người dân trên địa bàn toàn xã (đặc biệt thôn Đông Yên 3)	Vận động nguồn lực hỗ trợ kinh phí để nâng cấp nguồn nước sạch cho người dân	2018 - 2020	x	x
15	Nâng cao kiến thức về phòng, chống dịch	Người dân trên địa bàn toàn xã	Tập huấn về phòng, chống dịch bệnh sau lũ (03 lớp)	Hàng năm	x	x



	bệnh cho người dân		Tuyên truyền qua hệ thống thông tin đại chúng	Hàng năm	X	X
--	--------------------	--	---	----------	---	---

## 2. Tổng hợp các giải pháp và kế hoạch thực hiện các giải pháp PCTT/BĐKH

Qua phân tích nguyên nhân sâu xa về các rủi ro (**Bảng 8: Tổng hợp phân tích nguyên nhân các RRTT xã Bình Dương**), người dân, cán bộ và đoàn đánh giá thống nhất đề ra 15 giải pháp cơ bản (**Trên 3 lĩnh vực**) và các hoạt động cụ thể để thực hiện các giải pháp nhằm nâng cao năng lực PCTT, thích ứng với BĐKH, giảm thiểu mức thấp nhất thiệt hại về người và tài sản trong thời gian đến khi có thiên tai xảy ra trên địa bàn xã Bình Dương, huyện Bình Sơn, cụ thể sau:

### D. KẾT LUẬN VÀ ĐỀ XUẤT

Để thực hiện có hiệu quả công tác phòng chống thiên tai/BĐKH, nhằm giảm nhẹ đến mức thấp nhất những thiệt hại về người và tài sản của người dân trên địa bàn xã Bình Dương, trong thời gian tới các cấp chính quyền, các cơ quan chuyên môn, các đơn vị tài trợ cần tập trung tổ chức thực hiện tốt 2 nhóm giải pháp chính đó là hoạt động phi công trình và công trình, cụ thể:

#### 1. Đối với UBMTTQVN và các đoàn thể xã

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động trong đoàn viên, hội viên và nhân dân, nâng cao hiệu biết ý thức chủ động phòng ngừa, ứng phó khi thiên tai xảy ra, theo phương châm “4 tại chỗ”.

- Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động nâng cao ý thức PCTT, ý thức bảo vệ rừng ngập mặn, bảo vệ môi trường, đầu tư xây dựng nơi thu gom, xử lý rác thải và xử lý triệt để các loại bao bì thuốc bảo vệ thực vật sau khi sử dụng.

- Vận động nhân dân và tích cực kêu gọi sự hỗ trợ từ bên ngoài để mua sắm trang thiết bị cần thiết để sơ tán, cứu hộ, cứu nạn khi có thiên tai xảy ra.

- Tăng cường sự tham gia của phụ nữ trong các nhóm, các tổ chức trong hoạt động phòng chống thiên tai và các hoạt động khác.

#### 2. Đối với Đảng ủy, UBND Xã

- Tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức pháp luật, đặc biệt về Luật phòng chống thiên tai, Đề án 1002 của Chính Phủ, các văn bản có liên quan và các biện pháp phòng tránh, giảm nhẹ rủi ro thiên tai theo hướng bền vững.

- Thường xuyên kiện toàn và nâng cao năng lực cho nhóm hỗ trợ kỹ thuật và nhóm cộng đồng để tham mưu cho cấp ủy Đảng, chính quyền về công tác phòng chống thiên tai.

- Vận động, kêu gọi sự đóng góp của các tổ chức, cá nhân và tranh thủ sự hỗ trợ của cấp trên, nhằm phục vụ tốt cho công tác tuyên truyền, thông tin liên lạc, dự báo, các biển báo nơi có nguy cơ cao

- Sử dụng kết quả đánh giá rủi ro thiên tai trong việc xây dựng dự án, kế hoạch phòng chống thiên tai và lồng ghép kế hoạch phòng chống thiên tai vào kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của xã. Hàng năm thường xuyên đánh giá cập nhật thông tin để bổ sung vào kế hoạch phòng chống thiên tai 5 năm.

- Hàng năm sơ kết, tổng kết để đánh giá, rút kinh nghiệm và khen thưởng kịp thời cho những cá nhân, tập thể điển hình gương mẫu trong công tác phòng chống giảm nhẹ thiên tai.

### **3. Cấp huyện, tỉnh, Trung ương và các Nhà tài trợ**

Để có các biện pháp giúp cho địa phương và người dân xã Bình Dương chủ động phòng chống thiên tai, ổn định đời sống phát triển kinh tế - xã hội và hạn chế đến mức thấp nhất các thiệt hại do thiên tai gây ra, cấp ủy Đảng, chính quyền và nhân dân xã Bình Dương kính đề nghị các ban, ngành cấp huyện, tỉnh và Trung ương, các tổ chức Phi chính phủ quan tâm hỗ trợ kinh phí để thực hiện các hoạt động trong kế hoạch PCTT và xem xét giải quyết các kiến nghị, đề xuất sau:

- Đầu tư xây dựng và nâng cấp hệ thống cung cấp nước sạch sinh hoạt cho người dân.

- Hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà ở cho các hộ dân có nhà ở không an toàn thuộc diện đặc biệt khó khăn, ưu tiên các hộ gia đình neo đơn, phụ nữ đơn thân khó khăn... thuộc các vùng có nguy cơ cao do thiên tai gây ra.

- Tập huấn kiến thức PCTT, Biến đổi khí hậu cho cán bộ, người dân, học sinh và giáo viên các trường học; tập huấn kỹ năng sơ cấp cứu, cứu hộ cứu nạn cho đội xung kích, đội tìm kiếm cứu hộ cứu nạn. Quan tâm hơn đến vấn đề giới trong việc tuyên truyền nâng cao nhận thức về các vấn đề xã hội cũng như kiến thức về PCTT.

- Hỗ trợ xây dựng nhà tránh lũ tại 06 thôn đồng thời làm nơi sinh hoạt cho nhân dân.

- Hỗ trợ kinh phí làm đê, kè, thực hiện các công trình chống xâm nhập mặn, cân bằng hệ sinh thái(phục hồi rừng ngập mặn); các công trình chống xói mòn vào khu dân cư thôn Đông Yên III; thôn Mỹ Huệ III và xóm 1A Thôn Mỹ Huệ I.

- Hỗ trợ kinh phí làm 6km kênh mương để đảm bảo tưới tiêu cho nông nghiệp đồng thời chống sạt lở ảnh hưởng đến khu dân cư.

- Hỗ trợ trang thiết bị PCTT: ghe, xuồng cứu hộ, phao bơi, áo phao cho Ban chỉ huy PCTT và TKCN xã và Tiểu ban PCTT thôn.

Trên đây là báo cáo kết quả đánh giá rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng của xã Bình Dương do nhóm hỗ trợ kỹ thuật & nhóm hỗ trợ cộng đồng của xã thực hiện trong tháng 4/2018./.

**Nơi nhận:**

- Tổng cục PCTT (báo cáo);
- Ban QLDA Tỉnh (báo cáo);
- Ban PCTT&TKCN huyện
- TT/Đảng ủy, TT/HĐND Xã;
- CT&các PCT.UBND Xã;
- UBMTTQ và các đoàn thể Xã;
- Ban PCTT&TKCN xã;
- Lưu: VP.

- 1- Bộ công cụ (file đính kèm)
- 2- Danh sách đoàn đánh giá

## **DANH SÁCH ĐOÀN ĐÁNH GIÁ**

<b>STT</b>	<b>HỌ VÀ TÊN</b>	<b>ĐƠN VỊ CÔNG TÁC</b>	<b>CHỨC VỤ</b>	<b>SỐ ĐIỆN THOẠI</b>
1	Nguyễn Văn Tin	UBND xã Bình Dương	Phó chủ tịch	0934703392
2	Hường Vĩnh Thành	UBND xã Bình Dương	CT Cựu chiến binh xã	09742802015
3	Nguyễn Văn Sương	UBND xã Bình Dương	CT Hội nông dân xã	01652837305

4	Lê Thị Thức	UBND xã Bình Dương	CT Hội LHPN xã	0942041918
5	Ngô Minh Khôi	UBND xã Bình Dương	BT Đoàn TNCSHCM	0987633977
6	Lê Văn Việt	UBND xã Bình Dương	Phó BT Đoàn TNCSHCM	0967695367
7	Hồ Thị Thu Hà	UBND xã Bình Dương	CC VH- XH	01254530110
8	Nguyễn Thanh Dũng	Thôn Đông Yên I	Trưởng thôn Đông Yên I	01656084755
9	Đoàn Hạnh	UBND xã Bình Dương	CT Cựu thập đồ	0935005945
10	Trần Thị Xuân Lý	Thôn Đông Yên I	Cán bộ phụ nữ	01683162554

### 3-Một số hình ảnh



